TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 177/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 10 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Quốc Kh, sinh năm 1971

Địa chỉ: 147 Lê Trọng Tấn, phường H, quận C, tp. Đà Nẵng.

- Bà Ngô Thị M, sinh năm 1971

Địa chỉ: 68 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, tp. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M tự nguyện kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M sống tại địa chỉ 147 đường Lê Trọng Tấn, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung đến năm 2018 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống. Xét thấy, ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M có 01 con chung là Trương Văn L, sinh ngày 13/5/2004. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận bà Ngô Thị M nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Văn L, sinh ngày

13/5/2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trương Quốc Kh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài nợ chung: Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01 ngày 19/12/2002 nơi đăng ký kết hôn: UBND phường Ph, quận S, thành phố Đà Nẵng).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M: bà Ngô Thị M nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Văn L, sinh ngày 13/5/2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trương Quốc Kh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M xác nhận không có.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0000576 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông Trương Quốc Kh và bà Ngô Thị M đã nộp đủ lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Phước Mỹ, q. Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Quyên